

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 01 năm 2022

KẾ HOẠCH TUYỂN SINH CAO HỌC ĐỢT 1 NĂM 2022

Căn cứ Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành theo Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 1538/QĐ-ĐHIII ngày 11/10/2021 của Giám đốc Đại học Huế;

Căn cứ Thông báo tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2022 số 119/TB-ĐHIII ngày 24/01/2022 của Giám đốc Đại học Huế,

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế thông báo kế hoạch tuyển sinh Cao học đợt 1 năm 2022 như sau:

I. Chuyên ngành tuyển sinh: (Xem phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

II. Hình thức và thời gian đào tạo

1. **Chương trình đào tạo:** Theo định hướng nghiên cứu hoặc ứng dụng.
2. **Thời gian đào tạo:** Từ 1,5 năm đến 02 năm tùy theo chương trình của ngành đào tạo.
3. **Hình thức đào tạo:** Tập trung toàn thời gian.

III. Thời gian và địa điểm thu nhận hồ sơ xét tuyển

1. **Thời gian thu nhận hồ sơ:** Từ ngày thông báo tuyển sinh đến hết ngày 08/4/2022.
2. **Địa chỉ lấy hồ sơ dự thi:** <http://tuyensinh.dhsp Hue.edu.vn>
3. **Địa chỉ đăng ký dự tuyển online:** <https://forms.gle/d8AJZK5ZRJI16VUnT9>
4. **Lịch thi xét tuyển:** - Sơ tuyển cấp trường: từ ngày 10/4/2022
- Xét tuyển cấp Đại học Huế: từ ngày 20/4/2022
5. **Địa điểm thu nhận hồ sơ dự thi:**

- Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, điện thoại: 0234. 3824234 và 0234. 3898746. Địa chỉ: Cơ sở 1: Số 34 Lê Lợi, TP. Huế; Cơ sở 2: Đường Võ Văn Kiệt, phường An Tây, TP. Huế.

*** Khu vực miền Trung:**

- Phân hiệu Đại học Huế tại Quảng Trị: Đường Điện Biên Phủ, thành phố Đông Hà; điện thoại: 0914046234 (thầy Phan Văn Hoàng);
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Quảng Bình, TDP1, phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, Quảng Bình; điện thoại: 0905889956 (thầy Lê Quang Hạnh).
- Trung tâm bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và giáo dục thường xuyên tỉnh Hà Tĩnh, số 52 Lê Hồng Phong - Hà Tĩnh; điện thoại: 0945542856 (cô Thảo);
- Phòng Đào tạo, Trường Đại học Phú Yên, số 18 Trần Phú, phường 7, TP. Tuy Hòa, Phú Yên; điện thoại: 0986467575 (thầy Đỗ Trọng Đăng).
- Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang, số 02 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Hoà, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa, Điện thoại: 0905161517 (thầy Quang).
- Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh Ninh Thuận: Số 26 đường 16/4, thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, Ninh Thuận; điện thoại: 0912324128 (cô Ngô Thị Duy Tý).
- Trung tâm Tuyển sinh và QHĐN, Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung: số 261 Nguyễn Tất Thành, Tuy Hòa, Phú Yên, điện thoại: 0846041182 (Cô Nga).

*** Khu vực Tây Nguyên:**

- Khoa Giáo dục Thường xuyên, trường Cao đẳng Sư phạm Đắk Lắk: 349 Lê Duẩn, Tp Buôn Ma Thuột, điện thoại: 0913838883 (Cô Phương).

- Phòng Đào tạo VLVH – Khảo thí, Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai: số 126 Lê Thánh Tôn, TP. Pleiku, Gia Lai; điện thoại: 0905221753 (thầy Khoa) hoặc 0905657183 (thầy Vâu).

- Trường TC KT-KT Quốc Việt: Tổ 62, Thị trấn Liên Nghĩa, Đức Trọng, Lâm Đồng; điện thoại: 0967216368 (Thầy Phạm Văn Quang).

- Trung tâm GDNN_GDTX Lạc Dương, Lâm Đồng: Số 1 Đường Văn Cao, Lạc Dương, Lâm Đồng; điện thoại: 0912636960 (Thầy Phạm Văn Linh);

- Trường Đại học Buôn Ma Thuột: số 298 Hà Huy Tập, Tân An, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk; điện thoại: 0262 3986 688.

*** Khu vực miền Nam:**

- Trường Đại học An Giang: số 18 Ung Văn Khiêm, thành phố Long Xuyên; điện thoại: 0919993466 (ThS. Huỳnh Quốc Phương);

- Viện Đào tạo và Nâng cao thành phố Hồ Chí Minh: Số 02 Mai Thị Lựu, phường Đakao, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0908042749 (Cô Vũ);

- Trường Bồi dưỡng Giáo dục huyện Củ Chi thành phố Hồ Chí Minh: số 93 Nguyễn Văn Ní, khu phố 3, thị trấn Củ Chi, số điện thoại: 0283.8920283; ✓

- Trường Trung cấp Tổng hợp Sài Gòn: 10/18 Xuân Diệu, P.4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh hoặc 49A Đường số 3, P. Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 0968433499 hoặc 0932625552 (cô Phương).

- Viện Nghiên cứu giáo dục và Quản trị kinh doanh: 178 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh, điện thoại: 0902561166 hoặc 0838456666 (thầy Nhung).

- Phòng NCKH-HTQT- Sau đại học, Trường Đại học Đồng Nai; điện thoại: 0251 3824684, 0982762130 (cô Đào Thị Nhân).

- Trung tâm Tâm lý học ứng dụng Hoàng Đức, số 217 Hà Huy Giáp, Quyết Thắng, Biên Hoà. Điện thoại: 0385339791 (gặp thầy Bình), Email: hoangduccenter@gmail.com.

- Trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa – Vũng Tàu: Số 689 Cách Mạng Tháng Tám, Long Toàn, Bà Rịa, Bà Rịa - Vũng Tàu; điện thoại: 0979765989, 0254 3736577 (cô Vũ Thị Nga).

- Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Sư phạm Tây Ninh: huyện Ninh Sơn, Tây Ninh; điện thoại: 0938066811 (thầy Nguyễn Thanh Nhân, Trưởng phòng).

- Trung tâm Đào tạo nguồn nhân lực, Trường Đại học Kiên Giang: số 320A Quốc lộ 61, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, Kiên Giang; điện thoại: 0947501801 (thầy Trần Thanh Huy).

*** Khu vực miền Bắc:**

- Viện Nghiên cứu và Phát triển nguồn nhân lực giáo dục, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, số 20 Đặng Thùy Trâm, Cầu Giấy, Hà Nội, điện thoại: 0987508243 (TS. Nguyễn Văn Hiếu);

IV. Lệ phí tuyển sinh

1. Lệ phí xử lý hồ sơ: 200.000d/hồ sơ;
2. Lệ phí sơ tuyển: 300.000d/ thí sinh;
3. Lệ phí xét tuyển: 700.000d/ thí sinh;

V. Lớp bổ sung kiến thức chuyên ngành Quản lý giáo dục

1. Điều kiện dự học:

a. Về văn bằng: Người học nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với ngành Quản lý giáo dục phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

b. Về kinh nghiệm công tác: Người học phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giảng dạy hoặc quản lý giáo dục tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo.

c. Về đối tượng người học: Người học phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau đây:

- Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, thành viên Hội đồng quản trị các trường từ mầm non trở lên; trường khoa, phó khoa các trường Cao đẳng và Đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo – Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

- Tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn các trường: Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp.

- Người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục: Phải có xác nhận là người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục của Nhà trường nơi đang công tác (đối với người đang công tác ở các trường Đại học, Cao đẳng, Viện nghiên cứu) hoặc đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (đối với người đang công tác ở các trường từ mầm non đến cao đẳng).

- Bí thư đoàn trường, Tổng phụ trách đội, Ban chấp hành Công đoàn các Trường từ trường từ mầm non trở lên.

2. Các môn học bổ túc kiến thức:

- Những vấn đề chung của giáo dục học (3 tín chỉ)
- Lý luận giáo dục và lý luận quản lý giáo dục (4 tín chỉ)
- Những vấn đề chung của Tâm lý học (4 tín chỉ)
- Nhập môn tâm lý học quản lý (3 tín chỉ)

3. Hồ sơ đăng ký lớp học

- Đơn xin học (theo mẫu).
- Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học
- Giấy xác nhận quá trình công tác hoặc giấy xác nhận là cán bộ tạo nguồn quản lý giáo dục.

4. Thời gian học: Từ ngày 01/03/2022 đến ngày 10/4/2022.

5. Kinh phí học bổ túc kiến thức:

- Tại các địa phương: 5.000.000đ/người/khóa học cho lớp có từ 25 người trở lên.
- Tại Huế: 3.000.000đ/người/khóa học cho lớp có từ 25 người trở lên

VI. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

2. Điều kiện dự tuyển

2.1. Điều kiện ngoại ngữ

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về trình độ ngoại ngữ sau đây:

a) Bằng tốt nghiệp đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên có chương trình đào tạo được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp đã được Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận;

b) Bằng tốt nghiệp đại học do các đơn vị thành viên và thuộc Đại học Huế cấp trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cấp bởi các đơn vị đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo công

11
01
R
DA
BU
DAI

nhận đủ điều kiện tổ chức thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo Thông báo số 138/TB-QT.CT, ngày 08/02/2021 của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các chứng chỉ tương đương khác quy định tại Phụ lục III của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế:

d) Riêng đối với người tốt nghiệp đại học hoặc tương đương ngành ngôn ngữ nước ngoài dự tuyển vào các ngành đào tạo tại Trường Đại học Ngoại ngữ, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ là ngoại ngữ thứ hai không trùng với ngoại ngữ ghi trên bằng đại học chính sử dụng dự tuyển.

Nếu thí sinh dự tuyển chưa có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Trường sẽ cho đăng ký, tổ chức cho thí sinh ôn tập và thi lấy chứng chỉ B1 tiếng Anh theo quy định..

2.2. Điều kiện văn bằng đại học

Người dự tuyển phải đáp ứng được yêu cầu về văn bằng đại học sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học do các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam cấp. Đối với bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải có văn bản thẩm định và công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Trường hợp bằng tốt nghiệp đại học là ngành gần hoặc khác với ngành đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ, người dự tuyển phải hoàn thành bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế;

c) Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu phải có bằng tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập đã được đăng tải trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị khoa học có phản biện;

d) Người dự tuyển vào chương trình thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của các ngành quản trị và quản lý phải có bằng tốt nghiệp đại học liên quan đến chuyên môn, nghề nghiệp của lĩnh vực quản trị và quản lý hoặc đang công tác trong lĩnh vực liên quan đến ngành dự tuyển;

d) Người dự tuyển vào các chương trình đào tạo được dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải đáp ứng với quy định tại khoản 5 Điều 5 của Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT và khoản 3 Điều 7 của Quy định tổ chức và quản lý chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 755/QĐ-ĐHIII ngày 06/01/2020 của Giám đốc Đại học Huế.

2.3. Lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

2.4. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

2.5. Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

1. Đối tượng

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:

1.1. Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

1.2. Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh.

1.3. Con liệt sĩ.

1.4. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.

1.5. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1.

1.6. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

VÀ T
TÍNH
HỌC
HẠP
C HƯ

2. Chính sách

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Đại học Huế (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được tính điểm đối tượng ưu tiên là 01 điểm.

V. TIÊU CHÍ VÀ QUY ĐỐI ĐIỂM XÉT TUYỂN

1. Tiêu chí

1.1. Tiêu chí 1: Điểm quy đổi bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương

Chỉ tính Bằng tốt nghiệp đại học đăng ký vào ngành xét tuyển		
Ngành	Xếp loại tốt nghiệp	Điểm quy đổi
Ngành đúng/Ngành phù hợp	Xuất sắc	10
	Giỏi	9
	Khá	8
	Trung bình khá	7,5
	Trung bình	7
Ngành đúng/Ngành phù hợp	Không tính xếp loại	7
Ngành gần (Đã bỏ túc kiến thức theo quy định)	Không tính xếp loại	7
Ngành khác (Đã bỏ túc kiến thức theo quy định)	Không tính xếp loại	7

Lưu ý: Bằng đại học hoặc tương đương do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp mà không có xếp loại sẽ được tính điểm quy đổi là 8 điểm.

1.2. Tiêu chí 2: Điểm quy đổi bài báo khoa học

STT	Bài báo	Điểm quy đổi
1.	Bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus có hạng Q1, Q2 theo SCImago liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu	6
2.	Bài báo đăng ở tạp chí thuộc danh mục WoS hoặc Scopus có hạng Q3, Q4 theo SCImago liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu	5
3.	Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học quốc tế khác có chỉ số ISSN (kỉ yếu, tạp chí xuất bản bằng tiếng Anh) hoặc đăng ở tạp chí khoa học được tính điểm (mức điểm tối thiểu từ 0,75 trở lên) theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.	4
4.	Bài báo toàn văn đăng ở kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia có phản biện, có chỉ số ISBN hoặc đăng ở tạp chí khoa học được tính điểm (mức điểm tối thiểu từ 0,25 trở lên) theo quy định của Hội đồng Giáo sư nhà nước liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu	3
5.	Bài báo đăng ở tạp chí có chỉ số ISSN, kỉ yếu hội nghị, hội thảo khoa học khác có phản biện liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu	2

2. Quy đổi điểm xét tuyển

Điểm xét tuyển được quy đổi như sau:

$$\begin{aligned} \text{<Điểm xét tuyển>} &= \text{<Điểm Tiêu chí 1>} \times 2 + \text{<Điểm Tiêu chí 2>} \\ &+ \text{<Điểm đối tượng ưu tiên>} \end{aligned}$$

Việc xét tuyển được thực hiện như sau:

- Lấy <Điểm xét tuyển> từ cao đến thấp theo từng ngành đào tạo của đơn vị đào tạo đến hết chỉ tiêu xét tuyển. Trong trường hợp người dự tuyển có <Điểm xét tuyển> giống nhau, thứ tự ưu tiên xét tuyển như sau:

- Đối với chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu
 - + <Điểm Tiêu chí 2>
 - + <Điểm Tiêu chí 1>
- Đối với chương trình đào tạo định hướng ứng dụng
 - + <Điểm Tiêu chí 1>
 - + <Điểm Tiêu chí 2>

VI. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

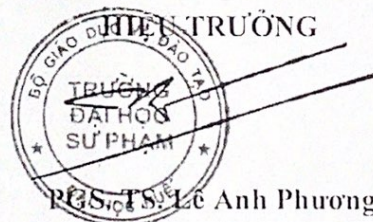
1. Đơn xin dự tuyển (theo mẫu).
 2. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học nếu văn bằng không ghi loại tốt nghiệp.
 3. Bản sao có công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có).
 4. Các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có) được xác nhận của cấp có thẩm quyền. Các giấy tờ này chỉ được bổ sung trước khi Hội đồng tuyển sinh sau đại học duyệt danh sách dự thi chính thức.
 5. Sơ yếu lý lịch được cơ quan quản lý nhân sự nơi người dự tuyển đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.
 6. Công văn giới thiệu dự tuyển của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhân sự đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước và ngoài nhà nước.
 7. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của một bệnh viện da khoa hoặc phòng khám tương đương cấp Huyện trở lên.
 8. Bản sao có công chứng các quyết định tuyển dụng hoặc bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn chờ tuyển dụng để chứng nhận thời gian kinh nghiệm công tác chuyên môn.
 9. Bản photocopy các bài báo nghiên cứu khoa học (nếu có).
 10. Bản photocopy các bằng khen, giấy khen (nếu có).
- Tất cả các giấy tờ trên được đựng trong túi hồ sơ (cỡ 32 x 26 cm).

Mọi chi tiết xin liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học, trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, điện thoại: 0234. 3824238, 0234.3898746

Nơi nhận:

- Đại học Huế (để báo cáo);
- Các cơ quan, trường học (để thông báo);
- Lưu: VT, DTSĐH.





**CÁC NGÀNH XÉT TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỢT 1 NĂM 2022 CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC HUẾ**

TT	Ngành	Mã số
1.	Toán học	8460101
2.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	8140111
3.	Toán giải tích	8460102
4.	Đại số và lí thuyết số	8460104
5.	Hình học và tôpô	8460105
6.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lí	8140111
7.	Vật lí lí thuyết và vật lí toán	8440103
8.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	8140111
9.	Hóa vô cơ	8440113
10.	Hóa hữu cơ	8440114
11.	Hóa phân tích	8440118
12.	Hóa lí thuyết và hóa lí	8440119
13.	Sinh học	8420101
14.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh	8140111
15.	Động vật học	8420103
16.	Thực vật học	8420111
17.	Hệ thống thông tin	8480104
18.	Văn học	8229030
19.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt	8140111
20.	Lý luận văn học	8220120
21.	Văn học Việt Nam	8220121
22.	Văn học nước ngoài	8220242
23.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử	8140111
24.	Lịch sử thế giới	8229011
25.	Lịch sử Việt Nam	8229013
26.	Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lí	8140111
27.	Địa lí tự nhiên	8440217
28.	Địa lí học	8310501
29.	Giáo dục học (Giáo dục học, GD Tiểu học, GD Mầm non, GD Chính trị)	8140101
30.	Quản lí giáo dục	8140114
31.	Tâm lí học	8310401

Danh sách gồm 31 chuyên ngành